

Số: 1255/TB-GTCB

Cao Bằng, ngày 25 tháng 8 năm 2020

THÔNG BÁO TỔ CHỨC CHÀO GIÁ RỘNG RÃI
Cung cấp Vật liệu chịu lửa phục vụ sản xuất
tại Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng, Phiên chào giá ngày 05/9/2020

Công ty CP Gang thép Cao Bằng (CISCO) tổ chức Phiên chào giá tìm kiếm Nhà cung cấp Vật liệu chịu lửa (VLCL) vào hồi 14h30 ngày 05/9/2020 tại Văn phòng Công ty CP Gang thép Cao Bằng ở địa chỉ Km7, QL4A, xã Chu Trinh, TP Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Kính mời đại diện Quý khách hàng là các doanh nghiệp, hợp tác xã trong và ngoài nước, có chức năng và khả năng cung cấp hàng hóa tham gia chào giá để cung cấp toàn bộ VLCL phục vụ sản xuất tại Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng mà Công ty CP Gang thép Cao Bằng có nhu cầu mua sắm tại Phiên chào giá này.

Thông tin chi tiết về Phiên chào giá cụ thể như sau:

1. Tên hàng hóa, qua cách, chất lượng và số lượng:

Chi tiết về đơn hàng xem Phụ lục đính kèm.

Các khách hàng tham gia Phiên chào giá có thể tham khảo thêm về quy cách, chủng loại và thông tin về chất lượng hàng hóa thực tế tại Công ty CP Gang thép Cao Bằng - Km7, QL4A, xã Chu Trinh, TP Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

2. Các thông tin liên quan đến hàng hóa chào giá, Phiên chào giá được quy định cụ thể trong bộ Hồ sơ mời chào giá phát hành kèm theo Thông báo này.

3. Thời gian, địa điểm nhận Hồ sơ mời chào giá: Từ 09h00 ngày 25/8/2020 đến 09h00 ngày 05/9/2020, tại phòng Kế hoạch Vật tư - Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng.

4. Thời gian nộp hồ sơ chào giá: Từ 14h00 ngày 25/8/2020 đến 14h00 ngày 05/9/2020.

5. Hồ sơ chào giá sẽ được mở công khai vào hồi 14h30 ngày 05/9/2020 tại Văn phòng Công ty, Km7, QL 4A, xã Chu Trinh, TP Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

6. Địa chỉ thông báo và niêm yết thông tin chào giá: Thông tin Phiên chào giá hàng hóa được thông báo trên website Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và trên website của Công ty, đồng thời được niêm yết tại trụ sở Công ty CP Gang thép Cao Bằng.

Nơi nhận: *Minh*

- Các đơn vị quan tâm;
- Website Cty;
- HDG Cty;
- Lưu: VP, KHVT.



GIÁM ĐỐC *Duy*

Nguyễn Văn Phương



PHỤ LỤC

(Kèm theo Thông báo số 1255 /TB-GTCB ngày 25/8/2020)

1. Phạm vi cung cấp hàng hóa:

- Tên đơn hàng: Cung cấp Vật liệu chịu lửa phục vụ sản xuất tại Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng.

- Số hiệu đơn hàng: VLCL082020.

STT	Tên khu vực	Quy cách	Đơn vị	Số lượng $\pm 5\%$	Ghi chú
A	KHU VỰC LUYỆN GANG				
I	Máng ra gang				
1	Bê tông đầm máng gang	Bột chịu lửa: $Al_2O_3 \geq 65\%$, $SiC + C \geq 10\%$ (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C,)	Tấn	140	
2	Bê tông đầm ụ chắn xỉ	Bột chịu lửa, $Al_2O_3 \geq 65\%$, $SiC \geq 22\%$, $C \geq 5\%$, $Fe_2O_3 \leq 0,8\%$ (Chịu nhiệt độ ≥ 1800 độ C)	Tấn	36	
II	Thùng nước gang 35 tấn				
1	Bê tông đầm tầng vĩnh cửu	Bột chịu lửa: $Al_2O_3 + SiO_2 \geq 65\%$, (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C)	Tấn	57,6	
2	Bê tông vá thùng gang	Bột chịu lửa: $Al_2O_3 60,8\%$; $SiC 7,8\%$ (Chịu nhiệt độ 1790 độ C).	Tấn	68	
3	Gạch thùng nước gang	Gạch chịu lửa $Al_2O_3 55,62\%$; $SiO_2 30,63\%$; $Fe_2O_3 2,16\%$; chịu nhiệt 16000 C.	Tấn	88,2	
4	Vữa cao nhôm	Bột chịu lửa: $Al_2O_3 61,4\%$ (Chịu nhiệt độ 1790 độ C,)	Tấn	10,5	
III	Bùn bột lỗ gang				
1	Bùn bột lỗ gang (dạng bùn khô)	Vữa Chịu lửa kết cấu: $Al_2O_3 \geq 30\%$; $SiC 5-15\%$; $SiO_2 \leq 25\%$; $C \geq 12\%$; (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C)	Tấn	420	
B	KHU VỰC LUYỆN THÉP				
I	Thùng trung gian 8T				
1	Bê tông đầm tầng vĩnh cửu	Bột chịu lửa: $Al_2O_3 \geq 65\%$ (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C)	Tấn	48	
2	Bê tông đầm tầng làm việc	Bột chịu lửa: $SiO_2 \geq 90\%$; $Fe_2O_3 \leq 2\%$ (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C)	Tấn	650	
3	Gạch bộ thùng trung gian	Gạch chịu lửa $Al_2O_3 \geq 65\%$, kích thước (225x225x140)mm, (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C)	Viên	1.000	

STT	Tên khu vực	Quy cách	Đơn vị	Số lượng ±5%	Ghi chú
4	Cốc rót dưới F16 - F17	Gạch chịu lửa cốc rót thùng trung gian, $Al_2O_3 \geq 72\%$; $Fe_2O_3 \leq 1\%$; F16 - F17 mm. cao 53 mm, miệng trên 125 mm, miệng dưới 115mm. (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C)	Viên	1.000	
5	Cốc rót trên F16,5 - F17	Gạch chịu lửa cốc rót thùng trung gian, $Al_2O_3 \geq 72\%$; $Fe_2O_3 \leq 1\%$; Cao 180 mm, miệng trên 105 mm, miệng dưới 125 mm, F16,5-F17 mm. (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C)	Viên	1.000	
6	Viên hoãn xung	Gạch chịu lửa dạng bột Al_2O_3 66,73%; SiO_2 27,34%; Fe_2O_3 0,75%; (Chịu nhiệt độ 1570 độ C)	Viên	500	
7	Cát dẫn dòng	Vật liệu chịu lửa dạng hạt (Đất sét chịu lửa SiO_2 73,51%; Cr_2O_3 8,74%), cỡ hạt <1 mm	Tấn	1,2	
8	Cơ cấu thay cốc nhanh		Bộ	20	
9	Gạch chèn khe hở cơ cấu thay cốc nhanh		Viên	1.000	
II Lò Chuyển					
1	Bộ gạch lò thổi (Bao gồm chi phí xây, hoàn thiện và bàn giao)	Lò thổi 20 tấn	Bộ	1	
2	Gạch vá lò	Gạch chịu lửa $MgO \geq 82\%$, $C \leq 4\%$, KT(200x150x60)mm; (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C)	Tấn	22	
3	Gạch lỗ ra thép	Gạch chịu lửa cửa ra thép lò thổi, $MgO \geq 76\%$; $C \geq 14\%$, kích thước dài 1080mm, đường kính ngoài ϕ 200mm, đường kính trong ϕ 100mm; (Chịu nhiệt độ ≥ 1650 độ C)	Viên	60	
4	Liệu phun vá Lò thổi	Bột chịu lửa: MgO 81,26%; CaO 1,13%; SiO_2 1,68%; chịu nhiệt $>15700C$	Tấn	12	
5	Liệu vá thủ công	Bột chịu lửa: $MgO \geq 75\%$, $C \geq 5\%$ (Chịu nhiệt độ ≥ 1570 độ C)	Tấn	200	
6	Liệu vá cửa ra thép	Bột chịu lửa để vá tăng làm việc lò thổi; $MgO \geq 75\%$, $C \geq 3\%$ (Chịu nhiệt độ ≥ 1650 độ C)	Tấn	10	
7	Bì chắn xỉ	Bì chặn xỉ $\phi 180mm$ $Al_2O_3 + SiO_2 \geq 80\%$ (Chịu nhiệt độ ≥ 1650 độ C)	Tấn	160	
III Bộ gạch lò trộn (Bao gồm chi phí xây, hoàn thiện và bàn giao)			Bộ	1	

18001622
CÔNG TY
ĐỒ PHÂN
ANG TH
CAO BẮN
BẢNG-T.C.A

Kiểm

STT	Tên khu vực	Quy cách	Đơn vị	Số lượng ±5%	Ghi chú
IV Thùng nước gang 25 tấn					
1	Bê tông đầm tầng vĩnh cửu	Bột đầm chịu lửa (Al ₂ O ₃ 60,8%; SiC 7,8%;	Tấn	30	
2	Vữa cao nhôm	Bột chịu lửa (Al ₂ O ₃ 61,4%)	Tấn	6	
3	Gạch thùng nước gang	Gạch chịu lửa (Al ₂ O ₃ 55,62%; SiO ₂ 30,63%; Fe ₂ O ₃ 2,16%;)	Tấn	53,28	
V Thùng thép 25T					
1	Bê tông đầm tầng làm việc	Bột chịu lửa Al ₂ O ₃ + MgO ≥ 80% (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C, dùng cho lò luyện kim).	Tấn	1.005	
2	Gạch thấu khí	Gạch chịu lửa Al ₂ O ₃ + Cr ₂ O ₃ 96,10%; KT (300x300x370)mm (Chịu nhiệt độ 1570 độ C)	Viên	67	
3	Tấm trượt trên dưới	Gạch chịu lửa tấm trượt C40; Al ₂ O ₃ ≥ 80%; C ≥ 3%; KT (239x159x40)mm (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C)	Viên	20.000	
4	Gạch bệ thùng thép	Gạch chịu lửa (Al ₂ O ₃ 81,06%;), KT (300x300x300)mm	Viên	67	
5	Gạch cửa thép lồng trên	Gạch chịu lửa cửa trên thùng thép C40; Al ₂ O ₃ 80,46%; C 5,72%;	Viên	667	
6	Gạch cửa thép lồng dưới	Gạch chịu lửa cửa dưới thùng thép C40; Al ₂ O ₃ 76,12%; C 5,86%;	Viên	10.000	
7	Vữa cao nhôm	Bột chịu lửa: Al ₂ O ₃ 61,4% (Chịu nhiệt độ 1790 độ C)	Tấn	18	
8	Cát dẫn dòng	VLCL dạng hạt (Đất sét chịu lửa SiO ₂ 73,51%; Cr ₂ O ₃ 8,74%), cỡ hạt <1 mm	Tấn	60	
9	Cơ cấu trượt thùng thép		Bộ	12	

- Địa điểm thực hiện: Tại Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng - Km7, QL4A, xã Chu Trinh, TP Cao Bằng.

2. Thời gian thực hiện:

Trong vòng 12 tháng, bắt đầu từ ngày 01/10/2020 đến hết ngày 30/9/2021.

3. Tiêu chuẩn, chất lượng hàng hóa:

3.1 Các tiêu chuẩn của hàng hóa: Hàng hóa cung cấp mới 100%, đảm bảo được các yêu cầu sản xuất của bên sử dụng, đồng thời phải đáp ứng được các điều kiện cụ thể theo bảng 1 dưới đây :

Bảng 1: Thời gian sử dụng tối thiểu của các hạng mục chính

TT	TÊN KHU VỰC/ CHUNG LOẠI HÀNG HÓA	THỜI GIAN SỬ DỤNG TỐI THIỂU
----	----------------------------------	-----------------------------

Handwritten signature

A	KHU VỰC LUYỆN GANG	
A.1	Máng ra gang	
	- Bê tông đầm máng gang	60 ngày sản xuất
	- Bê tông Ụ chắn xỉ	60 ngày sản xuất
A.2	Gạch thùng gang 35 tấn	600 mẻ
A.3	Bùn bột lò gang	Đảm bảo ra gang tối thiểu 24 mẻ/ngày, thời gian ra gang ổn định >35 phút/mẻ
B	KHU VỰC LUYỆN THÉP	
B.1	Thùng trung gian 8T	≥16h
B.2	Bộ gạch Lò thổi 20T	12.000 mẻ
B.3	Bộ gạch lò trộn	36 tháng
B.4	Thùng nước gang 25 tấn	1.200 mẻ
B.5	Thùng thép 25T	150 mẻ

3.2. Định mức sử dụng và thời gian sử dụng tối thiểu của một số vật liệu không có trong bảng bảng 1 trên thì áp dụng theo bảng 2 dưới đây

Bảng 2: Định mức và thời gian sử dụng tối thiểu của một số vật liệu

STT	Tên khu vực/chủng loại hàng hóa	Quy cách	Định mức sử dụng	Thời gian sử dụng tối thiểu
A	Khu vực Luyện Gang			
1	Bê tông đầm máng gang chính	Bột chịu lửa: $Al_2O_3 \geq 65\%$, $SiC + C \geq 10\%$ (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C,)	12 tấn/1 lần đầm	≥ 60 ngày
	Bê tông đầm máng dẫn xỉ		20 tấn/năm	≥ 60 ngày
2	Bê tông đầm ụ chắn xỉ	Bột chịu lửa: $Al_2O_3 \geq 65\%$, $SiC \geq 22\%$, $C \geq 5\%$, $Fe_2O_3 \leq 0,8\%$ (Chịu nhiệt độ ≥ 1800 độ C)	36 tấn/năm	≥ 60 ngày
B	Khu vực Luyện Thép			
I	Thùng Trung gian 8T			
1	Bê tông đầm tầng làm việc	Bột chịu lửa: $SiO_2 \geq 90\%$; $Fe_2O_3 \leq 2\%$ (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C)	1,3 tấn/1 lần đầm	≥ 16 giờ
2	Cốc rót dưới F16 - F17		2 viên/thùng	
3	Cốc rót trên F16,5 - F17		2 viên/thùng	
III	Lò chuyển			
1	Gạch lỗ ra thép	Gạch chịu lửa cửa ra thép lò thổi, $MgO \geq 76\%$; $C \geq 14\%$, kích thước dài 1080mm, đường kính ngoài $\phi 200$ mm, đường kính trong $\phi 100$ mm; (Chịu nhiệt độ ≥ 1650 độ C)	60 viên/năm	≥ 200 mẻ
III	Thùng thép 25T			
1	Bê tông đầm tầng làm việc	Bột chịu lửa: $Al_2O_3 + MgO \geq 80\%$ (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C).	14 tấn/1 lần đầm	≥ 150 mẻ
2	Bê tông đầm tầng làm việc (Vá thùng thép)	Bột chịu lửa: $Al_2O_3 + MgO \geq 80\%$ (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C).	01 tấn	

Handwritten signature

STT	Tên khu vực/chủng loại hàng hóa	Quy cách	Định mức sử dụng	Thời gian sử dụng tối thiểu
3	Gạch cửa thép lồng trên	Gạch chịu lửa cửa trên thùng thép C40; Al ₂ O ₃ 80,46%; C 5,72%;	viên	≥ 15 mē

4. Xuất xứ hàng hóa:

Hàng hóa được sản xuất tại các nhà máy lớn có uy tín, trong hoặc ngoài Việt Nam.

- Đối với hàng hóa sản xuất trong nước:

Bản chính (hoặc bản sao do Nhà cung cấp ký tên đóng dấu xác nhận) chứng thư xác nhận nguồn gốc hàng hóa do Nhà sản xuất hàng hóa trong nước phát hành được chấp nhận.

Trường hợp Nhà cung cấp không trực tiếp mua hàng hóa từ Nhà sản xuất trong nước mà mua qua một (hoặc một số) đơn vị trung gian thương mại thì Nhà cung cấp có trách nhiệm lấy đầy đủ các xác nhận từ các đơn vị trung gian thương mại này làm cơ sở để chứng minh đơn vị trung gian thương mại đầu tiên đã mua hàng hóa từ Nhà sản xuất trong nước và theo chuỗi cung cấp thông qua các đơn vị trung gian thương mại thì hàng hóa đã được cung cấp đến Nhà cung cấp.

- Đối với hàng hóa nguồn gốc nhập khẩu:

Chứng nhận xuất xứ (C/O) do cơ quan chức năng có thẩm quyền của quốc gia xuất xứ hàng hóa cung cấp. Bản chính hoặc bản sao C/O do Nhà cung cấp ký tên và đóng dấu được chấp nhận.

Trường hợp Nhà cung cấp không trực tiếp mua hàng hóa từ nhà xuất khẩu nước ngoài mà mua qua một (hoặc một số) đơn vị trung gian thương mại trong nước hoặc ngoài nước thì Nhà cung cấp có trách nhiệm lấy đầy đủ các xác nhận từ các đơn vị trung gian thương mại này làm cơ sở để chứng minh đơn vị trung gian thương mại đầu tiên đã mua hàng hóa từ nhà sản xuất nước ngoài và theo chuỗi cung cấp thông qua các đơn vị trung gian thương mại hàng hóa đã được cung cấp đến Nhà cung cấp.

5. Chứng nhận chất lượng hàng hóa:

Chứng chỉ xuất xưởng (*Mill test, Factory's Certificate*) do nhà sản xuất hàng hóa cung cấp có giá trị như là Chứng nhận chất lượng (C/Q) cho hàng hóa. Bản chính (hoặc bản sao có chữ ký và đóng dấu xác nhận của Nhà cung cấp) đối với Chứng chỉ xuất xưởng này được chấp nhận.

